

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Đ/C: Số 9/50 Đường Lê Tấn Bê- Phường An Lạc- Quận Bình Tân- TP. Hồ Chí Minh

MST: 0309802048

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2016

Gồm có:

- 1 – Bảng cân đối kế toán
- 2 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 3 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 4 – Thuyết minh báo cáo tài chính

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 04
2- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2016.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba (03) ngày 03/02/2015. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Tên giao dịch : SAIGON VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY (SG OIL JSC)
Trụ sở : Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ tại : 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
thời điểm lập
báo cáo

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn. Địa chỉ: Số 170/2 đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Trong năm 2015, Chi nhánh không phát sinh hoạt động kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO

Các thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Bửu Trân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Thiên Thạch	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Trinh	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Thúy Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Bửu Trân

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

TM. BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Bích Trân

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133,962,522,332	131,476,091,255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9,628,817,833	9,980,249,222
1. Tiền	111		9,628,817,833	9,980,249,222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96,504,780,208	93,360,846,798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	55,945,328,258	52,849,373,748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25,109,451,950	25,061,473,050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15,450,000,000	15,450,000,000
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	27,775,593,652	28,020,518,062
1. Hàng tồn kho	141		27,775,593,652	28,020,518,062
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53,330,639	114,477,173
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52,946,599	114,093,133
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.6	384,040	384,040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119,683,114,802	119,683,114,802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,569,654,375	4,569,654,375
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	4,569,654,375	4,569,654,375
II. Bất động sản đầu tư	240			-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	115,000,000,000	115,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20,000,000,000	20,000,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		113,460,427	113,460,427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	113,460,427	113,460,427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253,645,637,134	251,159,206,057

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26,413,121,885	24,179,852,506
I. Nợ ngắn hạn	310		26,413,121,885	24,179,852,506
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	22,515,561,143	20,091,990,713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	9,318,993	9,318,993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3,276,037,146	3,436,638,197
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1,665,487	31,365,487
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		610,539,116	610,539,116
II. Nợ dài hạn	330			-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227,232,515,249	226,979,353,551
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	227,232,515,249	226,979,353,551
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,831,617,349	1,831,617,349
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,400,897,900	25,147,736,202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,147,736,202	9,734,835,828
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		253,161,698	15,412,900,374
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253,645,637,134	251,159,206,057

TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	58,908,654,100	383,175,606,582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.15	58,908,654,100	383,175,606,582
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	58,474,132,990	367,872,201,564
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		434,521,110	15,303,405,018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	26,486	4,752,102,495
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	60,698,355	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-
8. Chi phí bán hàng	24			368,817,259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		49,282,962	442,400,239
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		324,566,279	19,244,290,015
11. Thu nhập khác	31	VI.19		1,357,501
12. Chi phí khác	32	VI.20		390,558,027
13. Lợi nhuận khác	40			(389,200,526)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		324,566,279	18,855,089,489
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.21	71,404,581	3,364,012,113
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52			-
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		253,161,698	15,491,077,376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14		845

TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Hồ Trúc Phương

Trần Ngọc Bửu Trân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	61,703,565,000	375,210,793,306
2. Chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(61,753,796,099)	(374,045,627,056)
3. Chi trả cho người lao động	03	(30,000,000)	(136,539,000)
4. Chi trả lãi vay	04		-
5. Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(232,005,632)	(3,434,997,188)
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5,741,597,100
7. Chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(39,194,658)	(12,116,323,873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(351,431,389)	(8,781,096,711)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(85,000,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84,500,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		100,000,000,000
4. Chi trả nợ gốc vay	34		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(351,431,389)	6,718,903,289
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9,980,249,222	3,261,345,933
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9,628,817,833	9,980,249,222

TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Hồ Trúc Phương



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309802048, thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2015, vốn điều lệ của Công ty là:

200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

4- Công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	47.5%	47.5%	Đăng ký kinh doanh số 0101025402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/03/2015.
Địa chỉ: Số 47 C3, tập thể Đại học Bách Khoa, P.Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán quý của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng tháng.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (ký hiệu là "VND").

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Chuẩn mực kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001; Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002; Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003; Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/03/2016 không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào cần phải được trích lập dự phòng.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Tại thời điểm 31/03/2016, Công ty không có khoản công nợ nào cần phải được trích lập dự phòng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| - Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không tính khấu hao |

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con hoặc công ty liên kết và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng} = \frac{\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}{\text{Vốn chủ sở hữu thực có}} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp của các bên tại tổ chức}}$$

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí thuê kho và máy phát điện.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ xuất dùng vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm. Đối với chi phí thuê kho cảng, máy phát điện được phân bổ theo thời gian thực tế đi thuê (15 năm).

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo chia cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí đi vay vốn, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt (VND)	9,619,018,955	9,937,138,555
Tiền gửi ngân hàng (VND)	9,798,878	43,110,667
Cộng:	9,628,817,833	9,980,249,222
2- Phải thu khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu khách hàng bên liên quan		
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	19,252,382,237	16,156,427,727
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty SXKD Tổng hợp Thanh Hóa	3,993,456,176	3,993,456,176
Công ty CP XNK Bao bì nhựa	32,699,489,845	32,699,489,845
Cộng:	55,945,328,258	52,849,373,748
3- Trả trước cho người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam		-
Công ty CP Trích ly dầu thực vật	60,066,650	60,066,650
Công ty TNHH TM và SX Hoàng Hà (*)	25,000,000,000	25,000,000,000
Đối tượng khác	49,385,300	1,406,400
Cộng:	25,109,451,950	25,061,473,050
(*) Là khoản tạm ứng đến 84% giá trị Hợp đồng xây lắp 01/HĐKT-KTKH/HH-TVSG ngày 26/08/2014 về việc xây dựng Nhà xưởng và cung cấp lắp đặt bồn chứa cho nhà máy dầu thực vật Sài Gòn tại 170/2 đường Phạm Hùng, P.9, thành phố Vĩnh Long.		
4- Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng (*)	11,200,000,000	11,200,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,250,000,000	4,250,000,000
	15,450,000,000	15,450,000,000

(*) Ông Lê Thiên Thạch - thành viên HĐQT tạm ứng để đặt cọc mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy dầu thực vật tại Vĩnh Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒNSố 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BCT
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

5- Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3,000,000	3,000,000
Hàng hóa	27,772,593,652	28,017,518,062
Cộng:	27,775,593,652	28,020,518,062

6- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	384,040	384,040
Cộng:	384,040	384,040

7- Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng kho chứa dầu TV cảng Vĩnh Long	4,569,654,375	4,569,654,375
Cộng:	4,569,654,375	4,569,654,375

8- Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh (*)	95,000,000,000	0	30,000,000,000	0
Dự án xay xát lúa và xử lý cám gạo tại Bắc Ninh (**)	20,000,000,000	0	0	0
Cộng:	115,000,000,000	0	30,000,000,000	0

Là khoản góp vốn theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCD ngày 26/01/2015. Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Phúc Anh - Hồng Quang là 47,5%. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty Phúc Anh - Hồng Quang có lãi, do đó Công ty không trích lập dự phòng đầu tư.

Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCD ngày 26/01/2015. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.2015/HĐHT/PQ-TVSG ngày 28/01/2015, thời hạn hợp tác là 05 năm, bắt đầu từ ngày 01/02/2015 đến ngày 01/02/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BCT
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn khi có Quyết định phân phối lợi nhuận hoặc Thông báo chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Phúc Anh - Hồng Quang.

9- Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bình điện hạ thế (thuê 15 năm)	109,090,903	109,090,903
Công cụ dụng cụ khác	4,369,524	4,369,524
Cộng:	113,460,427	113,460,427

10- Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Cảng Vĩnh Long	-	-
Công ty CP Xây dựng 620 - Bình Minh	2,409,797,770	2,409,797,770
Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng	-	-
Công ty CP Sevina	11,918,273,730	9,787,703,730
Công ty TNHH Sản xuất TM Hoàng Phát	-	-
Công ty TNHH TM và DV Vietfood	7,775,390,260	7,775,390,260
Đối tượng khác	97,748,445	119,098,953
Công ty CP Dầu Thực Vật Bình An	316,350,938	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		
Cộng:	22,517,561,143	20,091,990,713

Chi tiêu	Giá trị	Số cuối năm	Số đầu năm
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	22,517,561,143	22,517,561,143	20,091,990,713
b) Phải trả người bán là các bên liên	0	0	0

11- Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Đức Thạnh	9,318,993	9,318,993
Cộng:	9,318,993	9,318,993

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu B 09 - DN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BCT

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

12- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế GTGT (*)	0	5,890,865,410	5,890,865,410	0
Thuế TNDN (**)	3,358,461,195	71,404,581	232,005,632	3,197,860,144
Thuế Môn bài	0	3,000,000	3,000,000	0
Thuế, phí khác (**)	78,177,002		0	78,177,002
Cộng:	3,436,638,197	5,965,269,991	6,125,871,042	3,276,037,146

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số liệu của báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13- Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	(240,638)	29,459,362
Bảo hiểm thất nghiệp	1,906,125	1,906,125
Cộng:	1,665,487	31,365,487

14- Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Quý đầu tư phát triển	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,831,617,349	200,000,000,000	25,147,736,202	226,979,353,551
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1,831,617,349	200,000,000,000	25,147,736,202	226,979,353,551
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi (Lỗ) trong năm nay	-	-	253,161,698	253,161,698
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,831,617,349	200,000,000,000	25,400,897,900	227,232,515,249

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Hoàng Thị Thúy Hà	5,200,000,000	5,200,000,000
Lê Thiên Thạch	5,400,000,000	5,400,000,000
Lê Thị Kim Trinh	5,200,000,000	5,200,000,000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	5,200,000,000	5,200,000,000
Trần Ngọc Bửu Trân	5,200,000,000	5,200,000,000
Công ty CP SX XNK NHP	8,000,000,000	8,000,000,000
Các cổ đông khác	165,800,000,000	165,800,000,000
Cộng:	<u>200,000,000,000</u>	<u>200,000,000,000</u>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm		100,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm		100,000,000,000
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm		200,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d- Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu.

e- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế	253,161,698	15,491,077,376
Điều chỉnh giảm cho các quỹ	-	
LN phân bổ cho cổ đông	253,161,698	15,491,077,376
Số bình quân gia quyền cp lưu hành		18,333,333
Lãi cơ bản		845

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

15- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	58,908,654,100	383,175,606,582
Trong đó giao dịch với bên liên quan		-
- Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	19,252,382,237	276,599,475,272
Cộng:	58,908,654,100	383,175,606,582
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	58,908,654,100	383,175,606,582

16- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	58,474,132,990	367,872,201,564
Cộng:	58,474,132,990	367,872,201,564

17- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	26,486	2,102,495
Lợi nhuận được chia		4,750,000,000
Cộng:	26,486	4,752,102,495

18- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	60,698,355	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng:	60,698,355	-

19- Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý xe ô tô	-	
Điều chỉnh công nợ		1,357,501
Cộng:	-	-
20- Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của xe ô tô	-	
Điều chỉnh công nợ		3,681,223
Các khoản bị phạt, lãi chậm trả		386,876,804
Cộng:	-	390,558,027
21- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán	18,855,089,489	15,642,692,050
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		(4,263,346,386)
- Chuyển lỗ		
- Chi phí không hợp lý		486,653,614
- Lợi nhuận được chia		(4,750,000,000)
Thu nhập chịu thuế	324,566,279	14,591,743,103
Chi phí thuế TNDN (22%)	71,404,581	3,210,183,483
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước		153,828,630
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	71,404,581	3,364,012,113

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Chính sách quản lý rủi ro

Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro như sau:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm: Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số dư ngày 31/03/2016 (VND)

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9,628,817,833	9,628,817,833
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
- Phải thu khách hàng	55,945,328,258	55,945,328,258
- Trả trước cho người bán	25,109,451,950	25,109,451,950
- Phải thu khác	15,450,000,000	15,450,000,000

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư ngày 31/03/2016 (VND)

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán	22,515,561,143	22,515,561,143
Người mua trả tiền trước	9,318,993	9,318,993
Thuế phải nộp	3,276,037,146	3,276,037,146
Các khoản phải trả khác	1,665,487	1,665,487

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa, rủi ro thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến:

Tại 31/03/2016	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	-	-
Phải trả người bán	20,091,990,713	-	20,091,990,713
Người mua trả tiền trước	9,318,993	-	9,318,993
Thuế phải nộp	3,276,037,146	-	3,276,037,146
Các khoản phải trả khác	1,665,487	-	1,665,487
	23,379,012,339	-	23,379,012,339

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay dưới hình thức thế chấp tài sản.

2- Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K. Số dư này được phân loại lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để đảm bảo tính so sánh.

3- Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất cứ kế hoạch nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, phường An Lạc, quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BCT
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân